THACO
TRUONG HAI AUTO

FOTON

THACO FORLAND

FD 850 | FD 850 4WD | FD 900 | FD 950

EURO 4

Cabin trang bị **điều hòa tiêu chuẩn**, rộng rãi và tiện nghi. Bố trí giường nằm phía sau tiện lợi

NGOẠI THẤT

Thiết kế mạnh mẽ

Mặt ca lăng thiết kế mới, thẩm mỹ, tiết diện lớn tăng khả năng làm mát cho động cơ

Đèn pha Halogen, cường độ sáng cao, tích hợp dãy đèn LED ban ngày thẩm mỹ

Nâng cấp cụm gương chiếu hậu gồm 2 gương chính phẳng, 4 gương cầu giúp tối đa tầm quan sát

NỘI THẤT

Hiện đại tiện nghi

Cabin trang bị hệ thống điều hòa, audio tích hợp USB

Đồng hồ taplo có màn hình LCD hiển thị đa thông tin

Vô lăng 4 chấu , điều chỉnh 4 hướng: gật gù, cao, thấp

HỆ THỐNG KHUNG GẦM

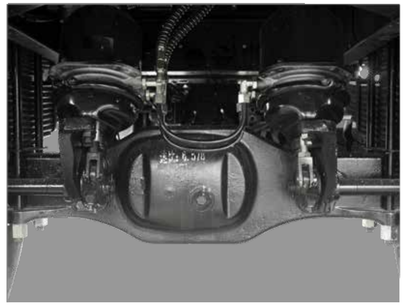

Cầu 2 cấp (cầu nhông truyền) chất lượng cao. Cơ cấu khóa vi sai

Vỏ hộp số chế tạo từ hợp kim chống gỉ sét, tản nhiệt tốt

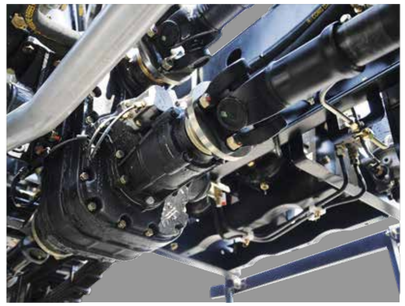

Hộp phân phối

Hệ thống treo có khả năng chịu tải lớn

Bình khí nén chế tạo từ hợp kim nhôm, phanh tay lốc kê

Lốp MAXXIS

THÙNG VÀ HỆ THỐNG BEN

Hệ thống Ben sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc, độ cứng và độ bền tăng gấp 3 lần

Cơ cấu ben càng chữ A, ty ben mạ Crom. Khả năng tải 18,1 tấn, góc nâng thùng lớn (50°)

Thùng ben thiết kế mới, kết cấu cứng vững, khả năng chịu tải lớn. Tôn sàn dày 4 mm, chế tạo từ thép có độ bền cao

ĐỘNG CƠ CÔNG NGHỆ MỚI

Tiêu chuẩn khí thải EURO 4

Động cơ YUCHAI mạnh mẽ, bền bỉ. Hệ thống nhiên liệu điều khiển điện tử, tính năng vượt trội, tiết kiệm nhiên liệu

YC4D140-48

Công suất cực đại:	**140/ 2.800 (PS/rpm)**
Mô men xoắn cực đại:	**450/ 1.400~1.700 (N.m/rpm)**
Dung tích xi lanh:	**4.214 cc**

YC4E160-48

Công suất cực đại:	**160/ 2.600 (PS/rpm)**
Mô men xoắn cực đại:	**550/ 1.300~1.600 (N.n/rpm)**
Dung tích xi lanh:	**4.257 cc**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE THACO FORLAND EURO 4

DANH MỤC	ĐƠN VỊ	FD850	FD850-4WD	FD900	FD950
KÍCH THƯỚC					
Kích thước tổng thể (D x R x C)	mm	6160 x 2330 x 2750	6280 x 2320 x 2780	6170 x 2330 x 2740	6470 x 2500 x 2970
Kích thước lọt lòng thùng (D x R x C)	mm	3850 x 2120 x 800	3850 x2120 x770	3850 x 2130 x 800	4150 x 2300 x 730
Vệt bánh trước / sau	mm	1.773/1.689	1.773/1.680	1.787/1.720	1.950/1.860
Chiều dài cơ sở	mm	3.500	3.600	3.500	3.650
Khoảng sáng gầm xe	mm	320	370	260	330
TRỌNG LƯỢNG					
Trọng lượng không tải	kg	5.995	6.235	5.915	7.105
Tải trọng	kg	7.820	7.580	7.900	8.370
Trọng lượng toàn bộ	kg	14.010	14.010	14.010	15.670
Số chỗ ngồi		03			
ĐỘNG CƠ					
Tên động cơ		YC4D140 - 48	YC4D140 - 48	YC4D140 - 48	YC4E160 - 48
Tiêu chuẩn khí thải		EURO IV			
Loại động cơ		Diesel 4 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng có tăng áp, làm mát bằng nước, phun nhiên liệu điều khiển điện tử **Common Rail**			
Dung tích xi lanh	cc	4.214	4.214	4.214	4.257
Đường kính x hành trình piston	mm	108 x 115	108 x 115	108 x 115	110 x 112
Công suất cực đại / tốc độ quay	Ps/(vòng/phút)	140/2.800	140/2.800	140/2.800	160/2.600
Mô men xoắn / tốc độ quay	Nm/(vòng/phút)	450/1.400 ~ 1.700	450/1.400 ~ 1.700	450/1.400 ~ 1.700	550/1.300 ~ 1.600
TRUYỀN ĐỘNG					
Ly hợp		01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực khí nén			
Hộp số		5 số tiến, 01 số lùi			6 số tiến, 01 số lùi
HỆ THỐNG LÁI		Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực.			
HỆ THỐNG PHANH		Khí nén 2 dòng, cơ cấu phanh loại tang trống, phanh tay lốc kê.			
HỆ THỐNG TREO					
Trước		Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực.			
Sau		Phụ thuộc, nhíp lá.			
LỐP XE					
Trước / sau		10.00 - 20	10.00 - 20	9.00 - 20	11.00 - 20
ĐẶC TÍNH					
Khả năng leo dốc	%	49	51	51	48
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	m	6,8	6,8	6,8	7,95
Tốc độ tối đa	km/h	76	79	73	74
Dung tích thùng nhiên liệu	lít	150	150	150	150
Đường kính x Hành trình ty Ben	mm	160 x 670	160 x 670	160 x 670	180 x 670

** Hình ảnh có thể khác so với thực tế, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước. Sơn màu theo yêu cầu với đơn hàng có số lượng nhiều.*

Công nghệ cắt Flasma

Robot hàn ống xả

Robot cắt bằng tia nước

CÔNG TY PHÂN PHỐI Ô TÔ TẢI - BUS TRƯỜNG HẢI

ĐC: Tầng 16, Tòa nhà IIA, Khu đô thị Sala, số 10 Mai Chí Thọ, Q.2, TP. HCM

Hotline 0933.806.098 | Website www.thacotruck.vn